

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ giao dịch hàng hóa Kim loại LME
tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/09/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa Kim loại LME tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo như Phụ Lục 1 đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **13/10/2022** và thay thế Quyết định số: 734/QĐ/TGD-MXV ngày 29/09/2022.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HC./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Đức Quang



PHỤ LỤC 01
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG KỶ HẠN TIÊU CHUẨN HÀNG HÓA KIM LOẠI
LME TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ/TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 12 tháng 10 năm 2022)

I. Danh sách mức ký quỹ ban đầu giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa Kim loại LME

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Đồng LME	LDKZ / CAD	Kim loại	LME	15,850	USD
2	Nhôm LME	LALZ / AHD	Kim loại	LME	5,400	USD
3	Chì LME	LEDZ / PBD	Kim loại	LME	4,500	USD
4	Thiếc LME	LTIZ / SND	Kim loại	LME	18,775	USD
5	Kẽm LME	LZHZ / ZDS	Kim loại	LME	8,325	USD
6	Niken LME	LNIZ / NID	Kim loại	LME	28,590	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa liên thông LME.

II. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 100% mức ký quỹ ban đầu tại Sở Giao dịch hàng hóa liên thông LME, được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.